**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÝ 10 BÀI 37:**

**ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Câu 1:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành hàng không?

**A.** Tốc độ vận chuyển nhanh không phương tiện nào sánh kịp.

**B.** Cước phí vận tải đắt, trọng tải thấp, chủ yếu chở hành khach.

**C.** Có vai trò thứ yếu chuyên chở hành khách giữa các châu lục.

**D.** Sử dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học kĩ thuật mới.

**Câu 2:**  Những nơi có nhiều sân bay nhất thế giới là

**A.** Hoa Kì và Tây Âu. **B.** Hoa Kì và Đông Âu.

**C.** Trung Quốc và Nhật Bản. **D.** Trung Quốc và Xin-ga-po.

**Câu 3:**  Các cường quốc hàng không trên thế giới là

**A.** Hoa Kì, Anh, Pháp, Đức. **B.** Hoa Kì, Anh, Pháp, LB Nga.

**C.** Hoa Kì, Anh, Đức, LB Nga. **D.** Hoa Kì, Anh, Pháp, Nhật Bản.

**Câu 4:**  Chỉ có các cường quốc về kinh tế và công nghệ thì mới là các cường quốc về hàng không, vì

**A.** ngành hàng không phát triển đòi hỏi công nghệ tiên tiến.

**B.** các cường quốc có nhiều vốn, kĩ thuật cao đê đâu tư lớn.

**C.** các nước này có đội ngũ kĩ sư và lao động kĩ thuật cao.

**D.** số lượng người dân đi lại bằng đường hàng không nhiều.

**Câu 5:**  Vận chuyển được các hàng nặng trên những tuyến đường xa với tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là ưu điểm của ngành giao thông vận tải.

**A.** Đường ô tô. **B.** Đường sắt. **C.** Đường sông. **D.** Đường ống.

**Câu 6:**  Sự phân bố mạng lưới đường sắt trên thế giới phản ánh khá rõ sự phân bố của ngành nào ở các nước ta và châu lục ?

**A.** Nông nghiệp. **B.** Công nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Du lịch.

**Câu 7:**  Nhược điểm chính của ngành vận tải đường sắt là

**A.** Đòi hỏi đầu tư lớn để lắp đặt đường ray.

**B.** Đầu tư lớn để xây dựng hệ thống nhà ga.

**C.** Chỉ hoạt động được trên các tuyến đường cố định có đặt sẵn đường ray.

**D.** Tốc độ vận chuyển nhanh, an toàn cao.

**Câu 8:**  Ưu điểm nổi bật của ngành vận tải ô tô so với các loại hình vận tải khác là

**A.** Sự tiện lợi, tÍnh cơ động và thích nghi cao với điều kiện địa hình.

**B.** Các phương tiện vận tải không ngừng được hiện đại.

**C.** Chở được hàng hóa nặng, cồng kềnh, đi quãng đường xa.

**D.** Tốc độ vận chuyển nhanh, an toàn.

**Câu 9:**  Ưu điểm của ngành vận tải đường ô tô là

**A.** Vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.

**B.** Tiện lợi, cơ động và có khả nàng thích nghi với các điều kiện địa hình,

**C.** Chi phí rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

**D.** Nhân lực trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

**Câu 10:**  Ưu điểm của ngành vận tải bằng đường sông là

**A.** vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.

**B.** tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình,

**C.** giá rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

**D.** nhân lực trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

**Câu 11:**  Ưu điểm của ngành vận tải đường hàng không là

**A.** vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.

**B.** tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình,

**C.** giá rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chu yển nhanh.

**D.** nhân lực trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

**Câu 12:**  Ngành vận tải đường sắt so với trước đây ít có đổi mới hơn cả về

**A.** sức kéo. **B.** toa xe. **C.** đường ray. **D.** nhà ga.

**Câu 13:**  Những nơi nào sau đây có mật độ mạng lưới đường sắt cao?

**A.** Châu Âu và Đông Bắc Hoa Kì. **B.** Đông Bắc Hoa Kì và Trung Phi.

**C.** Trung Phi và Đông Nam Á. **D.** Đông Nam Á và châu Âu.

**Câu 14:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành vận tải ô tô?

**A.** Sử dụng rất ít nhiên liệu khoáng (dầu mỏ).

**B.** Hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt ở cự li ngắn,

**C.** Đáp ứng các yêu cầu vận chuyển đa dạng.

**D.** Phối hợp được với các phương tiện khác.

**Câu 15:**  Sự phát triển ồ ạt công nghiệp ô tô trên thế giới đã gây ra vấn đề xã hội nghiêm trọng nào sau đây?

**A.** Góp phần làm cạn kiệt nhanh tài nguyên.

**B.** Gây tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn.

**C.** Làm tai nạn giao thông không ngừng tăng.

**D.** Làm thu hẹp mạng lưới đường, nơi đỗ xe.

**Câu 16:**  Hạn chế lớn nhất của sự bùng nổ trong việc sử dụng phường tiện ô tô là

**A.** Tắc nghẽn giao thông.

**B.** Gây ra vấn đề nghiêm trọng về môi trường.

**C.** Gây thủng tần ôdôn.

**D.** Chi phí cho sửa chữa đường hằng năm rất lớn.

**Câu 17:**  Ở Việt Nam tuyến đường ô tô quan trọng nhất có ý nghĩa với cả nước là

**A.** Các tuyến đường xuyên Á.

**B.** Đường Hồ Chí Minh.

**C.** Quốc lộ 1

**D.** Các tuyến đường chạy từ Tây sang Đông.

**Câu 18:**  Vận tải đường ống là loại hình vận tải trẻ, các tuyến đường ống trên thế giới được xây dựng trong thế kỉ

**A.** XIX. **B.** XXI. **C.** XX. **D.** XVI.

**Câu 19:**  Sự phát triển của ngành vận tải đường ống gắn liền với nhu cầu vận chuyển

**A.** Than. **B.** Nước. **C.** Dầu mỏ, khí đốt. **D.** Quặng kim loại.

**Câu 20:**   Ở Nhật Bản phương tiện vận tải đường biển phát triển nhất, nguyên nhân chính là do:

**A.** Nhật Bản là một quần đảo, bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh.

**B.** Có địa hình núi và cao nguyên chiếm đa số

**C.** Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới về ngành công nghiệp đóng tàu

**D.** Có nhiều hải cảng lớn

**Câu 21:**  Loại phương tiện vận tải được sử dụng như là phương tiện vận tải phối hợp giữa nhiều loại hình giao thông vận tải là:

**A.** Đường ô tô **B.** Đường hàng không **C.** Đường thủy **D.** Đường sắt

**Câu 22:**  Ở nước ta loại hình giao thông vận tải nào đang chiếm ưu thế:

**A.** Đường sắt **B.** Đường biển **C.** Đường ô tô **D.** Đường sông

**Câu 23:**  Ngành trẻ nhất trong các loại hình vận tải là:

**A.** Đường ô tô **B.**   Đường ống **C.** Đường sắt **D.** Đường hàng không

**Câu 24:**  Điểm giống nhau dễ nhận thấy trong ngành vận tải đường ống giữa các nước phát triển và đang phát triển là:

**A.** Đây là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất **B.** Thường gắn liền với cảng biển

**C.** Đây là ngành có vai trò quan trọng nhất **D.** Tất cả đều được xây dựng nửa sau thế kỷ 20

**Câu 25:**  Những nước phát triển mạnh ngành đường sông hồ là:

**A.** Những nước ở Châu Âu nhờ vào hệ thống sông Đa nuýp và Rai nơ

**B.** Hoa Kỳ, Canada và Nga

**C.** Các nước ở vùng có khí hậu lạnh có hiện tượng băng hà nên có nhiều hồ.

**D.** Các nước Châu Á và Châu Phi có nhiều sông lớn

**Câu 26:**  Nước có hệ thống đường ống dài và dày đặc nhất thế giới.

**A.** I- rắc. **B.** A- rập Xê-út. **C.** I-an. **D.** Hoa Kì.

**Câu 27:**  Giao thông đường thủy nói chung có ưu điểm là:

**A.** Cước phí vận tải rẻ, thích hợp với chở hàng nặng, cồng kềnh.

**B.** Tiện lượi, thích nghi với mọi điều kiện địa hình.

**C.** Vận chuyển được hàng nặng trên đường xa, với tốc độ nhanh, ỏn định.

**D.** Có hiệu quả với cự li vận chuyển ngắn và chung bình.

**Câu 28:**  Ba nước phát triển mạnh giao thông đường sông, hồ là

**A.** Hoa Kì, LB Nga, Ca-na-da. **B.** Anh, Pháp, Đức.

**C.** LB Nga, Trung Quốc, Việt Nam. **D.** Hoa Kì, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

**Câu 29:**  Ngành giao thông đường biển có khối lượng hàng hóa luân chuyển rất lớn là do

**A.** Cự li dài. **B.** Khối lượng vận chuyển lớn.

**C.** Tinh an toàn cao. **D.** Tinh cơ động cao.

**Câu 30:**  Trên các tuyến đường biển quốc tế, sản phẩm được chuyên chở nhiều nhất là

**A.** Sản phẩm công nghiệp nặng. **B.** Các loại nông sản.

**C.** Dầu thô và sản phẩm của dầu mỏ. **D.** Các loại hàng tiêu dùng.

**Câu 31:**  Sự phát triển của ngành vận tài đường ổng không phải gắn liền với nhu cầu

**A.** Dầu mỏ **B.** các sản phẩm dầu mỏ.

**C.** Khí đốt **D.** nước sinh hoạt.

**Câu 32:**  Nước hoặc khu vực nào sau đây có hệ thống ống dẫn dài và dày đặc nhất thế giới?

**A.** Hoa Kì. **B.** LB Nga. **C.** Trung Quốc. **D.** Trung Đông.

**Câu 33:**  Yếu tố nào sau đây không hoàn toàn đúng với đặc điểm phân bô ngành vận tai đường sông?

**A.** Phải có dòng sông lớn, có giá trị về vận tải thuỷ.

**B.** Có nhiêu phụ lưu, có cửa sông mở về phía biển,

**C.** Có cơ sở kinh tế phân bố dọc theo các dòng sông.

**D.** Khu vực đường sông quan trọng đều có kênh đào.

**Câu 34:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với vai trò của các kênh đào trong một hệ thống vận tải đường sông?

**A.** Nhờ có kênh đào mà các lưu vực vận tải được nối với nhau.

**B.** Các kênh đào được xây dựng vượt qua các trở ngại địa hình,

**C.** Các kênh đào là cơ sở quan trọng hình thành các cảng sông.

**D.** Nhờ có kênh đào mà việc vận chuyển ở hệ thống linh hoạt.

**Câu 35:**  Các nước nào sau đây phát triển mạnh giao thông đường sông, hồ?

**A.** Hoa Kì, LB Nga, Đan Mạch. **B.** Nhật Bản, LB Nga, Ấn Độ.

**C.** Hoa Kì, LB Nga, Ca-na-đa. **D.** Nhật Bản, LB Nga, Na Uy.

**Câu 36:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành vận tải đường biển?

**A.** Là loại hình vận chuyển hàng hoá quốc tế.

**B.** Khối lượng luân chuyển hàng hoá rất lớn.

**C.** Có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường biển.

**D.** Sự phát triển luôn gắn chặt với nội thương.

**Câu 37:**  Khoảng 2/3 số hải cảng trên thế giới phân bố ở

**A.** Ven bờ Ấn Độ Dương. **B.** Ven bờ Địa Trung Hải.

**C.** Hai bờ đối diện Đại Tây Dương. **D.** Hai bờ đối diện Thái Bình Dương.

**Câu 38:**  Vì sao ngành hàng không có khối lượng vận chuyển hàng hóa nhỏ nhất ?

**A.** Tốc độ chậm, thiếu an toàn. **B.** Cước phí vận tải rất đắt, trọng tải thấp .

**C.** Không cơ động, chi phí đầu tư lớn. **D.** Cchỉ vận chuyển được chất lỏng.

**Câu 39:**  Gần 1/2 số sân bay quốc tế nằm ở

**A.** Hoa Kì và Tây Âu. **B.** Nhật Bản, Anh và Pháp.

**C.** Hoa Kì và các nước Đông Âu. **D.** Nhật Bản và các nước Đông Âu.

**Câu 40:**  Nơi có nhiểu hải cảng nhất là ở hai bên bờ của

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Đại Tây Dương,

**C.** Ấn Độ Dương. **D.** Địa Trung Hải.

**Câu 41:**  Cho đến năm 2002, hải cảng lớn nhất thế giới là

**A.** Rôt-tec-đam (Hà Lan). **B.** Mac-xây (Pháp).

**C.** Niu Iooc (Hoa Kl). **D.** Phi-la-đen-phi-a (Hoa Kì).

**Câu 42:**  Đến năm 2004 ở Thái Bình Dương, hải cảng có lượng hàng qua cảng lớn nhất là

**A.** Thượng Hải (Trung Quốc). **B.** Tô-ki-ô (Nhật Bản),

**C.** Xin-ga-po (Xingapo). **D.** Ô-sa-ca (Nhật Bản).

**Câu 43:**  Đến năm 2004, nước có nhiều cảng lớn nhất thế giới là

**A.** Trung Quốc. **B.** Hoa Kì. **C.** Pháp. **D.** Nhật Bản.

**Câu 44:**  Kênh Xuy-ê nối liền

**A.** Địa Trung Hải và Biển Đỏ. **B.** Địa Trung Hải và Án Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** biển Ban-tích và Biển Bắc.

**Câu 45:**  Kênh Pa-na-ma nối liền

**A.** Địa Trung Hải và Biển Đỏ. **B.** Địa Trung Hải và Ẩn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** biển Ban-tích và Biển Bắc.

**Câu 46:**  Kênh Ki-en nối liền

**A.** Địa Trung Hải và Biển Đỏ. **B.** Địa Trung Hải và Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** Biển Ban-tích và Biển Bắc.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA | CÂU | ĐA |
| 1 | C | 11 | D | 21 | A | 31 | D | 41 | A |
| 2 | A | 12 | D | 22 | C | 32 | A | 42 | C |
| 3 | B | 13 | A | 23 | B | 33 | B | 43 | A |
| 4 | A | 14 | A | 24 | B | 34 | C | 44 | A |
| 5 | B | 15 | C | 25 | B | 35 | C | 45 | C |
| 6 | B | 16 | B | 26 | D | 36 | D | 46 | D |
| 7 | C | 17 | C | 27 | A | 37 | C |  |  |
| 8 | A | 18 | C | 28 | A | 38 | B |  |  |
| 9 | B | 19 | B | 29 | A | 39 | A |  |  |
| 10 | C | 20 | A | 30 | C | 40 | B |  |  |